

Số: 302/2019/QĐST-HNGĐ

Bắc Giang, ngày 27 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 và Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 480/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Hồng P, sinh năm 1973

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977

Cùng HKTT: Phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở hiện tại: Khu dân cư C, đường N, tổ dân phố T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hồng P và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn ngày 18/3/1999 tại UBND xã N, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, anh P và chị H có được tự do tìm hiểu, tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu, anh P và chị H chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, từ đó dẫn đến việc thường xuyên xung đột và cãi vã. Vợ chồng tuy ở chung một nhà nhưng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19/12/2019, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh P và chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa anh P và chị H là tự nguyện, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được công nhận.

[2] Về con chung: Anh P và chị H đều xác định có 02 con chung là Nguyễn Đình L, sinh ngày 15/2/2000 và Nguyễn Hạnh N, sinh ngày 17/11/2008. Hiện nay cháu L đã trưởng thành nên anh P và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh P và chị H thỏa thuận để chị Hạnh tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hạnh N. Anh P sẽ cấp dưỡng nuôi cháu N 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 01/2020 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi. Xét thấy thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn

của anh P và chị H là tự nguyện, phù hợp với Điều 81,82 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được công nhận.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh P và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh P và chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật nên mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí Tòa án là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Hồng P và chị Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hạnh N, sinh ngày 17/11/2008. Anh P sẽ cấp dưỡng nuôi cháu N 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 01/2020 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi. Đối với con chung Nguyễn Đình L, sinh ngày 15/2/2000 đã trưởng thành nên anh P, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh P và chị H mỗi người chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng anh P và chị H đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000739 ngày 04/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh P và chị H đã thi hành xong lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS TP B;
- VKSNDTP B;
- UBND xã N, huyện H, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương Giang